

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÌN HỒ  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10/ 9/2024

Về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phan Hồng Ngoãn.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Tấn Phàn Pao.

Bà Nguyễn Thị Thu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Chảo Hồ Sơn- Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ tham gia phiên tòa:*** bà Lê Ngọc Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HN&GD ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc: “ Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T, năm sinh 1982; Địa chỉ: bản C C, xã LTh, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; vắng mặt có lý do.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn Nói, sinh năm 1981; Địa chỉ: bản C C, xã LTh, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lường Thị T, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T anh Lường Văn Nvề chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Ma Quai,

huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Chị Lương Thị T cho biết trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi Lương Văn Lói, sinh năm 1981 kết hôn với chị Lương Thị T, sinh năm 1982 và theo căn cước công dân ghi Lương Văn Nói, sinh ngày 10/9/1981 là một người. Thời gian đầu chung sống, chị T và anh Nói sống thuận hòa rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng chị hay rượu chè, ghen tuông và khi uống rượu say hay đánh đập chị nhưng vì các con nên chị đành nhường nhịn, do không chịu đựng được nên chị T qua bên gia đình bố mẹ đẻ để ở nhưng anh Nói vẫn qua chửi và đánh đập chị rất nhiều lần. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh chị được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải cho vợ chồng chị rất nhiều lần nhưng sự việc vẫn không được giải quyết vì anh Nói vẫn không bỏ được tật uống rượu chè, đánh đập chị và mắng bậy. Hiện tại chị T đang ở nhà với bố mẹ đẻ, thỉnh thoảng chị vẫn qua lại để thăm và giúp đỡ các con nếu chồng chị không ở nhà, còn chồng chị ở nhà thì chị qua nhà bố mẹ đẻ để ở vì nhà chị và nhà bố mẹ đẻ gần nhà khoảng 30 mét mà thôi. Từ khi ly thân cho đến nay chị T và anh Nói không quan tâm, chăm sóc nhau và không có tình cảm với nhau nữa. Đến nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh Nói, cuộc sống chung giữa chị T và anh Nói không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Lương Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lương Văn Nói.

Về con chung: chị Lương Thị T và anh Lương Văn Nói có 03 con chung là cháu: Lương Văn Q, sinh ngày 03/8/2002, cháu Lương Văn Quyển, sinh ngày 18/6/2005 và Lương Văn Tức R, sinh ngày 24/02/2012. Sau khi Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nói, nguyện vọng của chị T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lương Văn Tức R, sinh ngày 24/02/2012 cho đến khi cháu R lớn, trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Đối với cháu Lương Văn Q và cháu Lương Văn Quyển đã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, các cháu đã tự nuôi sống được bản thân của các cháu; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu anh Nói phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; về tài sản chung, khoản nợ chung: anh chị không có nên tài sản chung, khoản nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lương Văn Nói đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng, không có lý do, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thu thập được nội dung ý kiến của anh Lương Văn Nói. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của bị đơn anh Lương Văn Nói và thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các văn bản Tố tụng của Tòa án bảo đảm đúng quy định tại Điều 175,

Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với bị đơn anh Lương Văn Nói.

Tại biên bản xác minh ngày 25/3/2024, tại trụ sở Công an xã Lũng Thàng, Ông Giàng A Phừ, Công an xã Lũng Thàng, cho biết: Hiện nay anh Lương Văn Nkhông có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì. Vì anh Lương Văn Nkhi đi khỏi địa phương không báo cho Công an xã.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2024, ông Phàn A L , Chủ tịch UBND xã Lũng Thàng, huyện Sìn Hồ và trưởng bản, bản C C, xã LTh, cho biết: anh Lương Văn Nvà chị Lương Thị T đều là công dân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Pháp luật và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Ma Quai, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu (hiện nay đã tách xã thành 02, xã Lũng Thàng và xã Ma Quai); về quan hệ hôn nhân, chính quyền không nắm rõ cụ thể như thế nào; về con chung: anh Nói và chị T có 03 con chung các cháu đều được học tập, giáo dục bình thường tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị, thì ông Ly không nắm rõ cụ thể; về tài sản và các vấn đề khác không nắm rõ được.

Tại biên bản lấy ý kiến cháu Lương Văn Tức R, trình bày: cháu sinh ngày 24/02/2012, cháu biết bố mẹ cháu hiện tại không ở cùng với nhau nữa. Hiện cháu đang ở cùng mẹ tại bản C C, xã LTh. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu được ở với mẹ. Vì cháu thấy mẹ cháu là người luôn quan tâm, chăm sóc đến việc học tập của cháu hơn bố cháu, mẹ cháu hay mua quần áo nên cháu thích được ở cùng với mẹ cháu hơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ phát biểu ý kiến như sau:

1.Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Lương Văn Nđã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng, không có lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định tại Điều 175, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngày 20/8/2024 Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn là anh Lương Văn Nói, vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 10/ 9/2024. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa

án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình: Ngày 06/8/2004, chị Lường Thị T và anh anh Lường Văn Nđăng ký kết hôn tại UBND xã Ma Quai, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu. Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết*”. Tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Nói thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực pháp luật, do vậy áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lường Thị T. Xử cho chị Lường Thị T được ly hôn anh Lường Văn Nói. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị T và anh Lường Văn Nchấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lường Văn Tức R, sinh ngày sinh ngày 24/02/2012 cho chị Lường Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Ròng trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lường Văn Nđược quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Lường Thị T không yêu cầu anh Lường Văn Nphải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu Lường Văn Q và cháu Lường Văn Qđã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung; khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn là chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Lương Thị T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23; số 0000 584 ngày 22/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về thủ tục tố tụng:*

Xét đơn khởi kiện của chị Lương Thị T xác định đây là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lương Thị T nộp đơn khởi kiện, anh Lương Văn N là bị đơn, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản C C, xã LTh, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Lương Văn N và chị Lương Thị T đúng theo quy định tại Điều 175, khoản 2, khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 20/8/2024 Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn là anh Lương Văn N, vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 10/ 9/2024. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2]. Về quan hệ hôn nhân:* chị Lương Thị T và anh Lương Văn N, kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Ma Quai, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, do Ủy ban nhân dân xã M Q, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Lương Văn N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T và anh N nói sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến cuối năm 2013 thì vợ chồng chị T và anh N bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N không còn, anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau,

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Lương Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn Ntheo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy anh Lương Văn Nkhông hợp tác, không có yêu cầu phản tố, không đưa ra được các chứng cứ, biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng. Hiện nay vợ chồng chị T và anh Nói vẫn đang sống ly thân, không liên lạc và không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng anh chị chung sống với nhau không có hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 85, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị T, cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lương Văn Nói.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Nói có 03 con chung là cháu: Lương Văn Q, sinh ngày 03/8/ 2002; cháu Lương Văn Q, sinh ngày 18/6/ 2005 và cháu Lương Văn Túc R, sinh ngày 24/02/2012. Hiện tại cháu Lương Văn Túc R đang học tập và sinh sống cùng với chị T. Từ khi vợ chồng chị T và anh Nói mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đều do chị T một mình đảm nhiệm. Đối với anh Lương Văn Nói, hiện nay không có mặt tại địa phương. Không biết anh Nói đi đâu, làm gì vì trước khi đi khỏi địa phương anh Nói không báo cho Công an xã biết. Để đảm bảo việc phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần cũng như quyền lợi chính đáng cho cháu R. Sau khi chị T và anh Nói ly hôn, theo nguyện vọng của cháu và mong muốn của chị T là người được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho cháu Lương Văn Túc R, sinh ngày 24/02/2012 cho đến khi cháu Rông trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Lương Văn Túc R, sinh ngày 24/02/2012 cho chị Lương Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Rông trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lương Văn Nđược quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Lương Thị T không yêu cầu anh Lương Văn Nphải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Đối với cháu Lương Văn Q và cháu Lương Văn Qđã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, khoản nợ chung: Đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn là chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Lường Thị T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23; số 0000 584 ngày 22/02/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu (chị T đã nộp đủ).

[6]. Tại phiên toà, Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu – Kiểm sát viên đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lường Thị T.

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị T và anh Lường Văn N, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01; ngày 06/8/2004 do Ủy ban nhân dân xã M Q, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu cấp. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị T và anh Lường Văn N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Giao cháu Lường Văn Túc R, sinh ngày 24/02/2012 cho chị Lường Thị T là người được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho cháu Lường Văn Túc R, cho đến khi cháu Rồng trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lường Văn N được quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Lường Thị T không yêu cầu anh Lường Văn Nphải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

*Về tài sản chung, khoản nợ chung:* Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về Án phí: Buộc nguyên đơn là chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Lường Thị T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23; số 0000 584 ngày 22/02/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu (chị T đã nộp đủ).

3. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lường Thị T; bị đơn anh Lường Văn Nướng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã Lùng Thàng;
- UBND xã Ma Quai;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Ngoãn**

## **HỘI THẨM NHÂN DÂN**



